TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2019/LĐ - ST.
Ngày 15-11-2019
V/v: "Đòi bồi thường chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hoà; nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Liên đoàn lao động huyện Trảng Bàng.

Ông Cao Hoài Hiêm – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST- LĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc: "*Đòi bồi thường chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - LĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Q1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp B B, xã H T huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ thực phẩm M Đ; Địa chỉ: Ấp B B, xã H T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông: Trần Văn Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 42, TH, phường T T H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh – Chức vụ: Tổng Giám đốc – Đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1971; Địa chỉ: 156/44, ĐTĐ, Phường CK, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (theo văn bản uỷ quyền ngày 03/10/2019). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng,bà Lê Thị Q 1 (nguyên đơn) trình bày:

Tháng 8/2012, bà ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ thực phẩm M Đ, Hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng, hàng năm công ty đều có phụ lục gia hạn hợp đồng, sau đó công nhận hợp đồng không thời hạn. Nhiệm vụ: Công nhân. Ngày 01/12/2018, công ty có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn với bà (do bà xin nghỉ việc). Bà đến công ty M Đ nhận quyết định thì cô T kế toán đưa cho bà Quyết định số 581/QĐNV-EF ngày 01/5/2017 hướng dẫn bà đến cơ quan bảo hiểm xã hội huyện Trảng Bàng nhận chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bà hỏi "*tại sao bà nghỉ việc tháng 12/2018 mà quyết định ghi ngày 01/5/2017*" thì cô T kế toán trả lời "*do bảo hiểm chốt sổ đến tháng 4/2017 nên ra quyết định tháng 5/2017 để được lãnh tiền",* bà đến cơ quan bảo hiểm nộp sổ bảo hiểm huyện Trảng Bàng thì nhân viên bảo hiểm nói "*không giải quyết chốt sổ được*" vì trong năm 2018 bà vẫn còn làm việc, công ty vẫn trừ tiền lương của bà nhưng không nộp cho cơ quan bảo hiểm, nếu theo quyết định này thì bà đã hết thời hạn để được nhận bảo hiểm thất nghiệp (quá 03 tháng kể từ ngày nghỉ việc) nên bà quay lại công ty yêu cầu đổi lại quyết định nhưng Phòng nhân sự nói "mộc dấu Công ty Miền Nam lấy về Cần Thơ nên không làm quyết định được" chứ thật tế bà làm cho Công ty M Đ đến tháng 12/2018. Tại thời điểm chốt sổ tháng 4/2017 mức lương dùng đóng bảo hiểm 3.410.000 đồng/tháng. Tại thời điểm nghỉ việc mức lương dùng đóng bỏ hiểm xã hội là 3.707.000 đồng. Nay bà Q 1 yêu cầu Công ty M Đ phải bồi thường tiền chế độ bảo hiểm thất nghiệp lẽ ra bà được bảo hiểm trả tương ứng với thời gian nghỉ việc là 04 năm 06 tháng số tiền là 13.081.000. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Lời khai của Nguyễn Ngọc U đại diện cho Công ty M Đ tại Biên bản hoà giải ngày 18/10/2019, đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông Út trình bày:

Xác nhận thời gian làm việc, thời gian nghỉ việc của bà Lê Thị Q 1 tại Công ty M Đ từ tháng 8/2012 đến tháng 12/2018 theo lời trình bày của bà Q 1 là đúng, hai bên đã xác nhận số tiền hưởng trợ cấp thất nghiệp của bà Q 1 qua chiết tính là 11.121.000 đồng nhưng Công ty M Đ chưa có phương án bồi thường.

Tại phiên toà, đại diện cho Công ty M Đ trình bày: Đề nghị đình chỉ vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 50 của Luật việc làm, khoản 3 Điều 36, 47, 186 Bộ luật lao động; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đòi bồi thường thiệt hại Bảo hiểm thất nghiệp của bà Lê Thị Q 1 đối với Công ty M Đ.

+ Buộc Công ty M Đ phải bồi thường cho bà Lê Thị Q 1 số tiền 11.121.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Q 1 khởi kiện Công ty M Đ đòi bồi thường chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp trong quan hệ lao động. Toà án thụ lý giải quyết theo điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà bà Q 1 thay đổi yêu cầu khởi kiện là công ty phải bồi thường cho ông số tiền 11.121.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà Q 1 phù hợp tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện trong tranh chấp lao động là 01 năm kể từ ngày phát hiện quyền và lợi ích của mình bị vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động, trong vụ án này bà Q 1 được công ty M Đ cho nghỉ việc đầu năm 2019 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Yêu cầu đình chỉ vụ án của Công ty M Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Q 1 là người lao động làm việc tại Công ty M Đ từ tháng 8/2012- 12/2018 như lời trình bày của bà Q 1 là đúng thể hiện tại Phụ lục hợp đồng ngày 01/4/2018 (có trong hồ sơ). Việc Công ty M Đ ban hành Quyết định số 581/QĐNV - EF ngày 01/5/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đối với bà Q 1 để hợp thức hoá cho bà Q 1 nhận tiền chế độ Bảo hiểm thất nghiệp là không đúng quy định của pháp luật. Bà Q 1 làm hồ sơ để hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp nhưng không được giải quyết lý do Công ty M Đ không trích nộp và không nộp tiền bảo hiểm thất nghiệp công ty đã thu của bà Q 1 về cơ quan bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2017 đến 11/2018.

[3] Qua kết quả xác minh thu thập chứng cứ thấy rằng: Công ty M Đ đã không thực hiện đúng việc trích quỹ lương nộp bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, ngoài ra công ty còn thu tiền bảo hiểm thất nghiệp của người lao động (trong đó có bà Q 1) không nộp về cơ quan bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2017 đến 12/2018 là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 57 của Luật Việc làm, từ việc vi phạm của người sử dụng lao động dẫn đến hậu quả là bà Q 1 không được bảo hiểm chốt sổ tại thời điểm nghỉ việc, bà Q 1 nghỉ việc năm 2018 nhưng ra quyết định tháng 5/2017 là không đúng quy định tại Điều 47 của Bộ luật lao động làm cho bà Q 1 trễ thời hạn làm hồ sơ hưởng khoản tiền trợ cấp thất nghiệp sau khi nghỉ việc theo quy định tại Điều 16, 17 của Nghị Định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi

tiết thi hành Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Qua đối chất với đại diện công ty M Đ nhận thấy thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp của bà Q 1 là 05 năm 10 tháng; hưởng chế độ là 05 tháng x (bình quân của 06 tháng lương liền kề là 3.707.000 đồng) x 60% được đại diện Công ty M Đ và bà Q 1 xác nhận là 11.121.000 đồng, đây là khoản thiệt hại vật chất của bà Q 1 (lẽ ra bà được trợ cấp nếu hồ sơ đầy đủ). Công ty M Đ là bên có lỗi, nên Hội đồng xét xử buộc Công ty M Đ phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Q 1 số tiền 11.121.000 đồng là phù hợp tại Điều 50 của Luật Việc làm.

[4] Xét đề nghị của Viện Kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Q 1 được miễn án phí theo qui định của pháp luật. Công ty M Đ phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội; đối với tài sản có giá ngạch là 11.121.000 đồng x 3% = 333.600 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, 57 Luật Việc làm, Điều 45, 47, 186 Bộ luật lao động; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q 1 về*: "Đòi bồi thường chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp"* đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ thực phẩm M Đ;

2- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ thực phẩm M Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị Q 1 số tiền 11.121.000 đồng (mười một triệu một trăm hai mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3- Về án phí:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ thực phẩm M Đ phải chịu số tiền 333.600 đồng; viết tròn số 333.000 (ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TA Tây Ninh;
-VKS Trảng Bàng;
-THADS Trảng Bàng;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn;
-Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm